BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Số: 234/QĐ-ĐHTBD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành đại học chính quy 2022 của Trường Đại học Thái Bình Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg, ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 17/11/2020 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-ĐHTBD ngày 07/12/2020 của Hiệu trưởng về việc phân công công tác Ban giám hiệu Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 255/QĐ-ĐHTBD, ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ vào các Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo góp ý về chương trình đào tạo đại học chính quy năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng các Khoa và Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình đào tạo đại học chính quy các ngành" của Trường đại học Thái Bình Dương (*có chương trình đào tạo kèm theo*).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và đào tạo kể từ năm 2022.

Điều 3. Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- HĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện) ;
- Lưu VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Phạm Quốc Lộc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

Ngành đào tạo : Đông Phương học

Trình độ đào tạo : Đại học

Mã ngành : 7310608

Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	Lớp định hướng áp dụng
7310608.02	Tiếng Hàn Quốc	Chính quy 2022

(Ban hành theo Quyết định số: 232A/QĐ-ĐHTBD ngày 29/8/2022

của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)

Khánh Hòa, 2022

MỤC LỤC

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH 1

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH 1

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương 1

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương 2

2.3. Căn cứ pháp lý 3

2.4. Căn cứ thực tiễn 3

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP 4

3.1. Mục tiêu đào tạo 4

3.2. Chuẩn đầu ra 4

3.3. Cơ hội nghề nghiệp 5

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP 6

4.1. Tiêu chí tuyển sinh 6

4.2. Tổ chức đào tạo 6

4.3. Điều kiện tốt nghiệp 8

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO 9

5.1. Cấu trúc chương trình 9

5.2. Danh mục môn học 9

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo 13

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 15

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình 15

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác 17

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN 17

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu 17

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình 20

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chuyên ngành tiếng Hàn Quốc của Trường Đại học Thái Bình Dương (Thai Binh Duong University: TBD) sở hữu một chương trình đào tạo có tính tùy chỉnh cao, lấy năng lực và cảm xúc người học làm trọng tâm, xây dựng cho sinh viên một Năng lực chuyên môn sâu, Khối kiến thức rộng trên nền tảng các Kỹ năng cần thiết, giúp người học có năng lực cạnh tranh và thành công trong các lĩnh vực nghề nghiệp liên quan tới Hàn Quốc tại Việt Nam và trong khu vực.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

a) Ngành đào tạo : Đông Phương học

- Tên tiếng Anh : Asian Studies

- Mã ngành cấp 4 : 7310608

- Trình độ đào tạo : Đại học

- Loại hình đào tạo : Chính quy

- Loại văn bằng : Cử nhân

- Thời gian đào tạo : 3,5 năm

- Tổng số tín chỉ : 130 tín chỉ[1]

b) Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	
	Tiếng Việt	Tiếng Anh
7310608.02	Tiếng Hàn Quốc	Korean

c) Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Thái Bình Dương

d) Đơn vị tổ chức giảng dạy: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương

a) Tầm nhìn: Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liêm chính, chuẩn mực quốc tế.

---

[1] Trong đó đã bao gồm 9 tín chỉ không tính vào điểm trung bình chung gồm các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

b) Sứ mệnh: Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

c) Giá trị cốt lõi: Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động.
Tự do học thuật	Ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu.
Tôn trọng sự khác biệt	Ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lẽ phải, công bằng và đạo lý.
Trách nhiệm	Sự tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động.
Cách tân	Ủng hộ giải pháp sáng tạo.
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động.

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương

"THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THẤU CẢM"

a) Thực học: Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) Toàn diện: Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dấn thân xã hội.

c) Trao quyền: Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) Tương tác: Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) Thấu cảm: Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

2.3. Căn cứ pháp lý

a) Văn bản pháp luật của nhà nước

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục);

- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

2.4. Căn cứ thực tiễn

- Nhận định Nhu cầu xã hội (사회적 요구 평가): Học tập để tiếp thu lý thuyết và thực tế để thích nghi với nhiều môi trường khác nhau của xã hội.

- Nuôi dưỡng khả năng thích ứng tốt với thời đại toàn cầu và khả năng thích ứng tốt với môi trường đa dạng.

- Đúc kết ý kiến doanh nghiệp (비즈니스의 의견 요약): Nâng cao năng lực phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và nâng cao năng lực nghiệp vụ để doanh nghiệp có thể thích ứng với công việc mà doanh nghiệp yêu cầu.

- Đào tạo nhân tài mà doanh nghiệp yêu cầu để nâng cao năng lực nghiệp vụ, dịch thuật, nghiệp vụ thương mại quốc tế cần thiết cho doanh nghiệp.

- Đúc kết kinh nghiệm thực hiện CTĐT (교육 프로그램 수행 경험 축적): Thực hiện các chương trình đào tạo đa dạng thông qua lý thuyết và thực tế của quá trình học tập, tích lũy kinh nghiệm và lý thuyết đã học và áp dụng vào thực tế.

- Đúc kết trải nghiệm của cựu SV (전 학생들의 경험 요약): Chia sẻ và tích lũy kinh nghiệm từ các chương trình đào tạo đa dạng, kinh nghiệm xã hội đa dạng (như làm thêm và tham gia dự án) và áp dụng sâu trong thực tế.

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

3.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Đông Phương, chuyên ngành tiếng Hàn Quốc, Trường đại học TBD có một chương trình đào tạo tuỳ chỉnh phù hợp nhằm xây dựng cho sinh viên một Năng lực chuyên môn sâu, Khối kiến thức rộng trên Nền tảng các kỹ năng cần thiết, giúp người học có năng lực cạnh tranh cao trong các lĩnh vực nghề nghiệp liên quan tới Hàn Quốc tại Việt Nam và trong khu vực.

Chuyên môn sâu: Sinh viên đạt được năng lực tiếng Hàn (Topik) từ cấp 3 trở lên, toàn diện 4 kỹ năng; nghe, nói, đọc, viết, có khả năng giao tiếp rộng và sâu ở các lĩnh vực Kinh tế, Thương mại, Du lịch, Văn hóa và Giáo dục.

Khối kiến thức rộng: Sinh viên được trang bị khối kiến thức tổng quát về Kinh tế, Văn hóa, Chính trị, Xã hội nói chung và chuyên sâu về Kinh tế, Văn hóa, Xã hội Hàn Quốc nói riêng.

Nền tảng kỹ năng cần thiết: Sinh viên sẽ có 3,5 năm để tiếp thu và thực hành liên tục các nhóm kiến thức và năng lực sau:

- Kiến thức tổng quát về con người, xã hội và tự nhiên
- Kỹ năng thực hành và năng lực trí tuệ
- Trách nhiệm cá nhân và đạo đức xã hội
- Thích nghi thực tiễn

3.2. Chuẩn đầu ra

TT	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1	Nắm vững và hiểu biết những tri thức cơ bản về KHXH&NV kinh tế, xã hội, tôn giáo, bản sắc, lịch sử, triết học và ngôn ngữ, dịch vụ, quan hệ quốc tế, kinh doanh.
PLO2	Áp dụng kiến thức khu vực học một cách có hệ thống, khả năng hiểu và diễn đạt vận dụng tiếng Hàn, am hiểu sâu rõ về văn hóa Hàn Quốc làm cơ sở cho việc nghiên cứu đất nước, con người Hàn Quốc.

PLO3	Phân tích và tổng hợp chuyên sâu các vấn đề về ngôn ngữ, văn hóa, biên-phiên dịch thông qua các hoạt động thực nghiệm thực hiện dự án, đề án môn học, thực tập để đánh giá một cách khách quan.
PLO4	Giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ, dựa trên tư duy phản biện và sự quan sát toàn diện.
PLO5	Có khả năng nghiên cứu phương pháp giảng dạy học, hiểu biết chung về tâm lý học, soạn giáo án, xây dựng kế hoạch từ đó định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.
PLO6	Biết giải quyết linh hoạt các vấn đề dưới nhiều hình thức đa dạng; nhằm vận dụng kiến thức đã học vào trong tương lai, có xu hướng và dự đoán thời đại.
PLO7	Tạo thói quen tư duy đa chiều, học vấn và sáng tạo; tự học; nâng cao năng lực ngôn ngữ Việt - Hàn và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.
PLO8	Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, tinh thần đồng đội và quan hệ xã hội: văn hóa, dân tộc, giới tính, giá trị, niềm tin, v.v. có hành động và hành vi phù hợp trong nhiều tình huống khác nhau trong cuộc sống và công việc.
PLO9	Có thói quen cân nhắc và xem xét khía cạnh đạo đức của hành động, hành vi và quyết định của cá nhân. Quan tâm, sẵn sàng tham gia vào các vấn đề lớn, liên tục của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, nghèo đói, xung đột.

3.3. Cơ hội nghề nghiệp

❖ Lĩnh vực nghề nghiệp

- Giáo dục – đào tạo
- Thương mại – dịch vụ
- Truyền thông
- Cơ quan nhà nước
- Tổ chức phi chính phủ

❖ Vị trí nghề nghiệp

- Chuyên viên, trợ giảng, giáo viên giảng dạy tiếng Hàn tại các cơ sở giáo dục như trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ, trường cấp 2, 3.
- Quản lý, trợ lý, chuyên viên, nhân viên, tiếp viên hàng không, hướng dẫn viên tại những doanh nghiệp Hàn Quốc, doanh nghiệp Việt Nam, nhà hàng, khách sạn, sân bay.
- Nhân viên dịch thuật, quản lý nội dung, phát thanh viên cho toà soạn báo, đài truyền hình, công ty truyền thông.

- Chuyên viên, nhân viên tại đại sứ quán, lãnh sự quán, sở ngoại vụ, bộ ngoại giao, viện nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ.
- Chuyên viên, nhân viên tại các tổ chức như Koica, Kocham, Quỹ giao lưu hợp tác quốc tế, hội hữu nghị.
- Học cao học: Đủ điều kiện đăng ký nhập học hoặc xin học bổng chương trình đào tạo Thạc sĩ tại Hàn Quốc với những chuyên ngành tổng hợp liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, lịch sử, chính trị, xã hội.

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

4.1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.2. Tổ chức đào tạo

a) Thời gian đào tạo: Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 3,5 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 11 học kỳ.

b) Phân đoạn đào tạo

GIAI ĐOẠN	MÔ TẢ
Khai phóng tiềm năng	Phát triển năng lực toàn diện và thông minh cảm xúc.
Khám phá ngành nghề	Dẫn nhập vào thế giới ngành nghề, xác định mục tiêu phấn đấu, bước đầu trải nghiệm thực tiễn và tích lũy kinh nghiệm để phát triển kỹ năng.
Phát triển chuyên môn	Thực hiện các đề án nhóm và độc lập, đào sâu chuyên môn, xây dựng các năng lực lõi của ngành nghề và tạo ra các sản phẩm dấu ấn cá nhân.
Làm chủ bản thân	Sẵn sàng dấn thân vào thế giới nghề nghiệp thông qua làm việc độc lập và nhóm tại đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệpvới tinh thần lập nghiệp và doanh chủ.

c) Phương pháp dạy và học

PHÂN NHÓM	GHI CHÚ	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC
Các phương pháp chủ đạo (60%)	Được áp dụng phủ rộng trong nhiều môn học và xuyên suốt cả quá trình đào tạo	Học qua điển cứu (Case study) Lớp học đảo (Flipped classroom) Tranh luận, tranh biện (Debate) Phương pháp thuyết giảng (Lecturing)

Các phương pháp bổ trợ (30%)	Tần suất áp dụng thấp hơn do đặc thù của phương pháp nhưng vẫn đóng một vài trò quan trọng hình thành năng lực người học	Phương pháp thực địa (On-site learning) Thực tập (Internship) Học trong quá trình làm/Học từ trải nghiệm (Embedded learning/Work-integrated learning)
Các phương pháp đặc thù (10%)	Chỉ áp dụng được trong một số môn học phù hợp nhất định, có tác dụng bổ khuyết một số năng lực, phẩm chất của người học mà các phương pháp khác còn khiếm khuyết	Học qua dự án (Project-based learning) Học qua phục vụ cộng đồng (Service Learning) Phương pháp đóng vai (Role play) Phương pháp điền dã (Field study) Phương pháp mô phỏng (Simulation) Phương pháp trò chơi hóa (Gamification)

d) Phương pháp đánh giá

Một môn học phải có ít nhất 3 thành phần đánh giá và thường không quá 5 thành phần được đánh ký hiệu A1, A2... A5, được phân bổ thời gian dàn trải đều theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo hợp lý và liên tục. Trong đó:

- A1 là thành phần bắt buộc, đánh giá qua các hoạt động tại lớp như thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình, giải quyết vấn đề...

- A2 đến A5: Tùy biến theo môn học

(*) Nguyên tắc chung: Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.

- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo đề cương dưới dạng phụ lục.

- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.

- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

(*) Các hình thức đánh giá

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	THƯỜNG ÁP DỤNG CHO PHẦN ĐÁNH GIÁ	
	QUÁ TRÌNH	HẾT MÔN
Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	
Thuyết trình (Oral Presentation)	x	x
Đánh giá hoạt động (Performance Test)	x	
Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	x	
Bài trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x
Bài tự luận tập trung (Paper-based exam room)	x	x
Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		x
Viết báo cáo (Written Report)		x
Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	x	x
Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	x	
Báo cáo khóa luận (Graduation Thesis/ Report)		x

e) Cách tính điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương, ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng- an ninh.
- Hoàn thành các môn học Giáo dục thể chất.
- Sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương năng lực tiếng Hàn (Topik) từ cấp 3 trở lên.
- Tích lũy đủ 3 tín chỉ môn học Công nghệ thông tin thời đại số là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Một số quy định khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	**GIÁO DỤC TỔNG QUÁT**	**53**	**40**	**13**
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	5	10
1.2.	Ngoại ngữ	18	18	
1.3.	Chính trị	11	11	
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	**NGÀNH**	**71**	**65**	**6**
2.1.	Cơ sở ngành	15	15	
2.2.	Cốt lõi ngành	24	24	
2.3.	Chuyên ngành	26	26	
2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6
3.	**TỐT NGHIỆP**	**6**		**6**
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	**130**	**105**	**25**
4.	**TÙY CHỌN MỞ RỘNG**	**45**		**45**
4.1.	Song ngành	30		30
4.2.	Ngành phụ	15		15

5.2. Danh mục môn học

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	**GIÁO DỤC TỔNG QUÁT**		**53**	**40**	**13**
1.1.	**Kiến thức và kỹ năng khai phóng**		**15**	**5**	**10**
1	CNTT109V1	Công nghệ thông tin thời đại số		3	
2	LUAT112V1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người		2	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
3	*Sinh viên tự chọn tích lũy 10 tín chỉ các môn học thuộc khối kiến thức và kỹ năng khai phóng (Phụ lục 1).*				10
1.2.	**Ngoại ngữ**		**18**	**18**	
4	TH101K1	Tiếng Hàn Sơ cấp 1 *초급 한국어 1*		3	
5	TH102K1	Tiếng Hàn Sơ cấp 2 *초급 한국어 2*		3	
6	TH103K1	Tiếng Hàn Sơ cấp 3 *초급 한국어 3*		3	
7	TH104K1	Tiếng Hàn Sơ cấp 4 *초급 한국어 4*		3	
8	TH105K1	Tiếng Hàn Trung cấp 1 *중급 한국어 1*		3	
9	TH106K1	Tiếng Hàn Trung cấp 2 *중급 한국어 2*		3	
1.3.	**Chính trị**		**11**	**11**	
10	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin		3	
11	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	
12	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	
13	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
14	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	
1.4.	**Thể chất và quốc phòng** *Không tính trung bình chung tích lũy*		**9**	**6**	**3**
15	GDTQ147V1	Giáo dục thể chất			3
16	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		6	
2.	**NGÀNH**		**71**	**65**	**6**
2.1.	**Cơ sở ngành**		**15**	**15**	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
17	DPH101V1	Kinh tế, chính trị các nước Đông Á		3	
18	DPH102V1	Văn hóa, xã hội các nước Đông Á		3	
19	DPH103V1	Triết học và tôn giáo Đông – Tây		3	
20	TH111K1	Văn hóa đại chúng Hàn Quốc và Korean Wave *한국 대중 문화와 한류 (한국어)*		3	
21	TH112K1	Lịch sử Hàn Quốc giản lược *한국사 개론 (한국어)*		3	
2.2.	**Cốt lõi ngành**		**24**	**24**	
22	TH107K1	Tiếng Hàn Trung cấp 3 *중급 한국어 3*		3	
23	TH108K1	Tiếng Hàn Trung cấp 4 *중급 한국어 4*		3	
24	TH109K1	Tiếng Hàn Cao cấp 1 *고급 한국어 1*		3	
25	TH110K1	Tiếng Hàn Cao cấp 2 *고급 한국어 2*		3	
26	TH213K1	Ngữ pháp tiếng Hàn cao cấp *고급 한국어 문법*		3	
27	TH214K1	Văn học Hàn Quốc giản lược *한국 문학 개론*		3	
28	TH215K1	Tìm hiểu kinh tế Hàn Quốc *한국 경제의 이해*		3	
29	TH216K1	Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc *한국 문화의 이해*		3	
2.3.	**Chuyên ngành**		**26**	**26**	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
30	TH203K1	Thông dịch Hàn – Việt *베 – 한 통역*		3	
31	TH204K1	Biên dịch Việt – Hàn *한 – 베 번역*		3	
32	TH205K1	Tiếng Hàn Khách sạn và Du lịch *관광과 호텔 한국어*		3	
33	TH301K1	Tiếng Hàn Thương mại Quốc tế *국제 무역 한국어*		3	
34	TH304K1	Tiếng Hàn kinh doanh *비즈니즈 한국어*		3	
35	TH305K1	Thực hành kỹ năng doanh nghiệp Hàn Quốc *한국 기업 실무 실습*		3	
36	TH306K1	Thực hành kỹ năng dạy tiếng Hàn *한국어 교수법*		3	
37	TH307K1	Tiếng Hàn Topik *토픽 한국어*		3	
38	TH209K1	Thực tập nhận thức 인지실습		2	
2.4.	**Lựa chọn liên ngành** *Là các môn Sinh viên tự chọn từ những chương trình đào tạo khác nhằm giúp người học có thêm kiến thức và kỹ năng trong những lĩnh vực khác ngành đang học. Sinh viên phải hoàn thành 06 tín chỉ của các học phần liên ngành mà sinh viên đã chọn (Phụ lục 4).*		**6**		**6**
3.	**TỐT NGHIỆP** *Sau khi sinh viên hoàn thành tất ít nhất 70% số tín chỉ của CTĐT (84 tín chỉ, không kể tín chỉ GDTC và GDQP), sinh viên có thể đăng ký học phần tốt nghiệp theo MỘT trong hai hướng sau:* *- Thực tập tốt nghiệp và chuyên luận (6 tín chỉ): Ngoài quy định chung về thực tập của trường, báo cáo thực tập tối thiểu 10 trang và chuyên luận tối thiểu 5 trang A4.* *- Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ): GPA tối thiểu tại thời điểm đăng ký là 2.8. Báo cáo khóa luận tối thiểu 30 trang A4.*		**6**		**6**

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
39	TH401V1	Thực tập tốt nghiệp			6
40	TH402V1	Khóa luận tốt nghiệp			6
4.	**TÙY CHỌN MỞ RỘNG**		**45**		**45**
4.1.	**Song ngành** *Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 30 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác theo quy định về các khối kiến thức song ngành của ngành tương ứng (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (không phải bằng đại học thứ 2) (Phụ lục 2).*		**30**		**30**
4.2.	**Ngành phụ** *Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 15 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác, theo quy định (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (Phụ lục 3).*		**15**		**15**

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo

Phương châm: Sống cũng là học thông qua Extracurricular activities.

Extracurricular activities (EC) thường được dịch sang tiếng Việt là 'hoạt động ngoại khóa', có nghĩa là bên ngoài khóa học, thường bao gồm các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các câu lạc bộ văn thể mỹ, thiện nguyện... Xác định các hoạt động này 'bên ngoài khóa học' là bởi chúng không phải là một phần của chương trình đào tạo hay môn học cụ thể nào, và do đó cũng không đóng góp vào điểm số và kết quả học tập của sinh viên.

Dù không chi phối đến kết quả học tập của sinh viên, EC vẫn có tác động quan trọng vào hình thành năng lực của người học. Để tránh hiểu nhầm rằng EC không có đóng góp gì cho sinh viên, nhà trường không gọi đây là 'hoạt động ngoại khóa' đơn thuần, mà coi đó là 'sự trải nghiệm đời sống sinh viên, sống cũng là học'. Trải nghiệm càng sâu thì học được càng nhiều.

a) Tham gia Đoàn - Hội và phát triển Đảng

Đoàn trường Đại học Thái Bình Dương và Hội Sinh viên Trường là 02 tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên và sinh viên TBD, được hình thành từ những ngày đầu thành lập trường. Qua hơn chục năm phát triển, các tổ chức này đã không ngừng lớn mạnh và tạo lập nhiều hoạt động trải nghiệm làm phong phú đời sống sinh viên. Một số hoạt động nổi bật như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hội trại thường niên, Hội thao thường niên, Liên hoan văn nghệ thường niên.

Trong nhiều năm qua, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường đã luôn chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét và kết nạp.

b) Thể hiện bản thân ở các câu lạc bộ

Trường Đại học Thái Bình Dương tạo điều kiện để phát triển các câu lạc bộ (CLB) sinh viên nhằm đa dạng hóa trải nghiệm đời sống sinh viên. Nhà trường sẵn sàng tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí ban đầu cho các CLB hoạt động. Hiện TBD đã có nhiều CLB hình thành và đi vào hoạt động thiết thực: CLB Nghề Luật, CLB Khởi nghiệp, CLB English, CLB Guitar, CLB Dancing, các CLB thể thao bộ môn, các CLB thiện nguyện...

Mỗi CLB đều có những nét riêng về định hướng và văn hóa sinh hoạt. Sinh viên chủ động liên hệ thêm để tìm hiểu tham gia. Nhà trường có thể cung cấp một số nét chính về chủ trương như sau: (1) CLB sinh viên là do sinh viên kết nối, thành lập và làm chủ; (2) Nhà trường tạo điều kiện về chính sách, không gian hoạt động và một khoản kinh phí; (3) Đoàn - Hội là đơn vị cầu nối để phát huy những hỗ trợ của trường đến với CLB. Với các CLB cấp trường, Hội Sinh viên Trường có thể ra quyết định thành lập CLB như là một cách để hỗ trợ CLB hình thành ban đầu, tạo cho CLB một chỗ dựa về mặt cơ chế, nhưng vẫn giữ nguyên tắc 'CLB sinh viên là của sinh viên, do sinh viên chủ động phát triển'; (4) Các Khoa đóng vai trò hỗ trợ thành lập và tạo điều kiện phát triển đối với các CLB gắn liền với chuyên môn Khoa (CLB cấp khoa).

c) Bồi dưỡng văn hóa đọc và nhiều điều khác tại thư viện

Thư viện Đại học Thái Bình Dương là một trung tâm thông tin thân thiện với người dùng, cung cấp môi trường hỗ trợ học tập phù hợp giá trị cốt lõi của nhà trường. Là một không gian phức hợp, bao gồm các khu vực làm việc nhóm, khu vực học tập độc lập và khu vực học tập chung, thư viện là nơi lý tưởng cho người đọc trong các hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Thư viện TBD còn là nơi tạo cảm hứng và khơi dậy niềm đam mê tìm hiểu, sáng tạo, mở rộng tầm nhìn, đón nhận tích cực, thông qua các hoạt động thường xuyên như nói chuyện, thuyết trình, thảo luận sách, triển lãm, chiếu phim, giới thiệu tác phẩm.

Nhà trường còn chủ trương xây dựng thư viện thành một "không gian tự quản". Theo đó, thư viện không chỉ mở cửa theo giờ làm việc thông thường, mà còn mở rộng giờ hoạt động tối đa theo nhu cầu của sinh viên, đặc biệt là đối với các sinh viên đang ở ký túc xá. Sinh viên được trao quyền tự quản và sử dụng thư viện trong các giờ mở rộng này. Tùy theo nhu cầu của sinh viên mà thời gian mở rộng sẽ được nới dần, với mục tiêu lâu dài tạo được một thư viện mở cửa 24/7.

d) Tận hưởng đời sống ký túc xá ở TBD Campus Resort

Ký túc xá (KTX) Trường Đại học Thái Bình Dương được bố trí ngay trong khuôn viên nhà trường (on-campus), không phải chỉ vì lý do thuận tiện đi lại, mà vì một tiêu xa hơn. Đó là để xây dựng một cuộc sống "khai phóng" trong KTX. Qua đó, xây dựng những cư dân KTX

có năng lực xây dựng mối quan hệ, với trí thông minh cảm xúc, có trách nhiệm cá nhân, và biết quan tâm đến người khác.

e) Thỏa sức đam mê ở Trung tâm Thể dục thể thao TBD

Hiện tại, khu thể thao đa năng đã cung cấp các dịch vụ sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ. Đang tiến tới hoàn thành các hạng mục khác gồm sân tenis, bóng bàn và võ thuật.

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
Giáo dục tổng quát											
1	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin							X	X	X
2	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin							X	X	X
3	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học							X	X	X
4	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh							X	X	X
5	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam							X	X	X
6	TH101K1	Tiếng Hàn Sơ cấp 1	X								
7	TH102K1	Tiếng Hàn Sơ cấp 2	X								
8	TH103K1	Tiếng Hàn Sơ cấp 3	X								
9	TH104K1	Tiếng Hàn Sơ cấp 4	X								
10	TH105K1	Tiếng Hàn Trung cấp 1	X								
11	TH106K1	Tiếng Hàn Trung cấp 2	X								
12	CNTT109V1	CNTT thời đại số						X	X	X	X
13	LUAT112V1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người						X	X	X	X
14		Kiến thức và kỹ năng khai phóng (10 tín chỉ)							X	X	X
Cơ sở ngành											
15	DPH101V1	Kinh tế chính trị các nước Đông Á							X	X	X
16	DPH102V1	Văn hóa, xã hội các nước Đông Á							X	X	X
17	DPH103V1	Triết học và tôn giáo Đông - Tây							X	X	X
18	TH111K1	Văn hóa đại chúng Hàn Quốc và Korean Wave (Tiếng Hàn)			X				X		
19	TH112K1	Lịch sử Hàn Quốc giản lược (Tiếng Hàn)	X								
Cốt lõi ngành											

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
20	TH107K1	Tiếng Hàn Trung cấp 3	X			X					
21	TH108K1	Tiếng Hàn Trung cấp 4	X			X		X			
22	TH109K1	Tiếng Hàn Cao cấp 1				X		X			
23	TH110K1	Tiếng Hàn Cao cấp 2				X		X			
24	TH213K1	Ngữ pháp tiếng Hàn cao cấp	X			X		X			
25	TH214K1	Văn học Hàn Quốc giản lược		X					X		
26	TH215K1	Tìm hiểu kinh tế Hàn Quốc		X			X				X
27	TH216K1	Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc	X		X	X		X		X	X
Chuyên ngành											
28	TH203K1	Thông dịch Hàn – Việt		X			X		X		
29	TH204K1	Biên dịch Việt – Hàn		X			X		X		
30	TH205K1	Tiếng Hàn Khách sạn và Du lịch		X			X	X	X		
31	TH301K1	Tiếng Hàn Thương mại Quốc tế		X			X		X		
32	TH304K1	Tiếng Hàn Business		X			X			X	
33	TH305K1	Thực hành kỹ năng doanh nghiệp Hàn Quốc		X			X			X	
34	TH306K1	Thực hành kỹ năng dạy tiếng Hàn		X		X					
35	TH307K1	Tiếng Hàn Topik	X			X					
36	TH209K1	Thực tập nhận thức			X			X		X	
Lựa chọn liên ngành											
37		Kiến thức khác ngành (6 tín chỉ)						X	X		
Tốt nghiệp											
38	TH401V1	Thực tập tốt nghiệp					X	X			
39	TH401V2	Khóa luận tốt nghiệp					X	X			

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác

Môn học	Đại học Đà Lạt	ĐH Hutech	ĐH Quốc gia Hà Nội
Tiếng Hàn Sơ cấp 1	X	X	X
Tiếng Hàn Sơ cấp 2			
Tiếng Hàn Sơ cấp 3			
Tiếng Hàn Sơ cấp 4	X	X	
Tiếng Hàn Trung cấp 1	X	X	X
Tiếng Hàn Trung cấp 2	X	X	X
Tiếng Hàn Trung cấp 3	X	X	
Tiếng Hàn Trung cấp 4	X	X	
Tiếng Hàn Cao cấp 1		X	X
Tiếng Hàn Cao cấp 2		X	X
Ngữ pháp tiếng Hàn cao cấp	X	X	
Văn hóa đại chúng Hàn Quốc và Korean Wave			X
Lịch sử Hàn Quốc giản lược		X	
Văn học Hàn Quốc giản lược	X		X
Tìm hiểu kinh tế Hàn Quốc	X		X
Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc	X		X
Thông dịch Hàn – Việt	X		
Biên dịch Việt – Hàn			
Tiếng Hàn Khách sạn và Du lịch			
Tiếng Hàn Thương mại Quốc tế	X	X	
Thực hành kỹ năng doanh nghiệp Hàn Quốc			
Thực hành kỹ năng dạy tiếng Hàn			

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu

LỘ TRÌNH 3,5 NĂM – 11 HỌC KỲ

TT	NĂM THỨ 1	Số tín chỉ	Ghi chú	
		31		
	HỌC KỲ 1	**10**		
1	Tiếng Hàn Sơ cấp 1	3		AB

2	Công nghệ thông tin thời đại số	3		AB
3	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Tự chọn	AB
4	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Tự chọn	AB
	HỌC KỲ 2	**6**		
1	Tiếng Hàn Sơ cấp 2	3		
2	Kinh tế chính trị các nước Đông Á	3		
	HỌC KỲ 3	**15**		
1	Tiếng Hàn Sơ cấp 3	3		A
2	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
3	Văn hóa - xã hội các nước Đông Á	3		A
4	Tiếng Hàn Sơ cấp 4	3		B
5	Văn hóa đại chúng Hàn Quốc và Korean Wave	3		B
TT	**NĂM THỨ 2**	**Số tín chỉ**	**Ghi chú**	
		43		
	HỌC KỲ 4	**17**		
1	Tiếng Hàn trung cấp 1	3		A
2	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
3	Lịch sử Hàn Quốc giản lược	3		A
4	Giáo dục quốc phòng - an ninh	6		B
5	Thực tập nhận thức	2		B
	HỌC KỲ 5	**5**		
1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người	2		
2	Tiếng Hàn trung cấp 2	3		
	HỌC KỲ 6	**21**		
1	Giáo dục thể chất	3		A
2	Tiếng Hàn trung cấp 3	3		A
3	Tiếng Hàn kinh doanh	3		A
4	Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc	3		A
5	Triết học Mác - Lênin	3		B
6	Tiếng Hàn trung cấp 4	3		B
7	Tiếng Hàn Khách sạn và Du lịch	3		B

TT	NĂM THỨ 3	Số tín chỉ	Ghi chú	
		44		
	HỌC KỲ 7	**22**		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		A
2	Tiếng Hàn cao cấp 1	3		A
3	Thông dịch Hàn - Việt	3		A
4	Ngữ pháp tiếng Hàn cao cấp	3		A
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		B
6	Tiếng Hàn cao cấp 2	3		B
7	Tiếng Hàn Topik	3		B
8	Biên dịch Việt - Hàn	3		B
	HỌC KỲ 8	**5**		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
2	Tìm hiểu kinh tế Hàn Quốc	3		
	HỌC KỲ 9	**17**		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		A
2	Triết học và tôn giáo Đông - Tây	3		A
3	Thực hành kỹ năng dạy tiếng Hàn	3		A
4	Liên ngành 1	3		B
5	Văn học Hàn Quốc giản lược	3		B
6	Tiếng Hàn Thương mại Quốc tế	3		B
TT	**NĂM THỨ 4**	**Số tín chỉ**	**Ghi chú**	
		12		
	HỌC KỲ 10	**12**		
1	Liên ngành 2	3		
2	Thực hành kỹ năng doanh nghiệp Hàn Quốc	3		
3	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp	6		
	HỌC KỲ 11	**0**		
1	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (tiếp tục)	6		

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Các học phần tự chọn trong nhóm học phần Giáo dục tổng quát, tự chọn chuyên ngành, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng học kỳ như sĩ số sinh viên đăng ký, giảng viên, các điều kiện cơ sở vật chất.

- Tất cả các học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được duyệt và phải được cung cấp, giải thích cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

- Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 41
SV năm II	42 - 77
SV năm III	78 –124
SV năm IV	Từ 125 trở lên

- Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

- Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/ học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Khoa/ Bộ môn hướng dẫn sinh viên đăng ký các môn học bắt buộc và lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp.

GĐ. Trung tâm Hàn Quốc Học

ThS. Park Jong Ryul

KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu Trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

TS. Phạm Quốc Lộc